

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04-3-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn C, huyện T, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Tăng Văn N2, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Bà và ông Tăng Văn N2 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, ông N2 không lo làm ăn, không lo cho vợ con, vợ chồng

không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tăng Văn N2. Trong quá trình chung sống bà và ông N2 có một người con chung tên Tăng Diễm M, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2009, con chung đang chung sống với bà, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Đối với ông Tăng Văn N2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông N2 vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N1. Cho bà Nguyễn Thị N1 ly hôn với ông Tăng Văn N2, giao con chung cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Tăng Văn N2, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Tăng Văn N2 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Tăng Văn N2.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N1 với ông Tăng Văn N2 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của bà Nguyễn Thị N1 với ông Tăng Văn N2 là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà N1 giữ quan điểm yêu cầu ly hôn với ông Tăng Văn N2. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông Tăng Văn N2 nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông N2 vắng mặt, không tham gia hòa giải đề hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị N1. Bà N1 cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, ông N2 không lo cho vợ con, bà không còn thương yêu ông N2 và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N1 với ông Tăng Văn N2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N1 về việc yêu cầu ly hôn với ông Tăng Văn N2.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị N1 với ông Tăng Văn N2 có một người con chung tên Tăng Diễm M, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2009 con chung do bà N1 đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà N1 yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý cho ông Tăng Văn N2 nhưng ông N2 không có ý kiến gì về yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà N1. Xét thấy, từ khi bà N1 và ông N2 không còn chung sống đến nay con chung do bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng và người con chung Tăng Diễm M có nguyện vọng được chung sống với bà N1; tại phiên tòa bà N1 xác định có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Để bảo đảm quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử giao người con chung tên Tăng Diễm M, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2009 cho bà Nguyễn Thị N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tăng Văn N2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Bà N1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà Nguyễn Thị N1, ông Tăng Văn N2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N1 phải chịu 300.000đ, bà N1 đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N1 và ông Tăng Văn N2.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Tăng Diễm M, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2009 cho bà Nguyễn Thị N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tăng Văn N2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0017281 ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà N1 đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Tăng Văn N2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã, huyện P, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều